TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 226/2020/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Phả, ngày 12 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 250/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị P T L, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Tổ 5, khu 2, phường C S, thành phố C P, tỉnh Q N.

- Bị đơn: P Q Q, sinh năm: 1973

Địa chỉ: Tổ 5, khu 2, phường C S, thành phố C P, tỉnh Q N.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị P T L và anh P Q Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị P T L và anh P Q Q cùng thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị P T L và anh P Q Q có 02 con chung là P Q V, sinh ngày 27/9/1997 và P T K A, sinh ngày 07/12/2003. Khi ly hôn, con P Q V đã thành niên nên chị L và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị P T L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con P T K A cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh P Q Q không phải cấp dưỡng cho con K A và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị P T L và anh P Q Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị P T L tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm 150.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0005325 ngày 13/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C P, tỉnh Q N. Trả lại cho chị P T L số tiền chênh lệch là 150.000đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Q N;
- VKSND tp C P;
- Chi cục THADS tp C P;
- UBND xã Đ T, huyện H, tỉnh T B;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Trương Thị Túc